

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Q  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **27/2022/HS-ST**  
Ngày 06-9-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Võ Chí Ngãi.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Từ Văn Khánh.

2. Ông Trần Xi Noa.

**- Thư ký phiên toà:** Ông Trần Ngọc Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi. Ở điểm cầu trung tâm;

Ông Trần Tiến Dũng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi. Ở điểm cầu thành phần.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên toà:** Ông Võ Duy Khải - Kiểm sát viên. Ở điểm cầu trung tâm;

Kiểm sát viên Bùi Thị Hồng Ngọc. Ở điểm cầu thành phần.

Cán bộ, chiến sỹ thuộc cơ sở giam giữ Lê Minh Viên và Phạm Văn Kiệt. Ở điểm cầu thành phần.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại điểm cầu trung tâm đặt tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi và điểm cầu thành phần đặt tại trụ sở Công an huyện Q. Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 30/2022/TLST- HS, ngày 22 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2022/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Minh N**; tên gọi khác: Không có, sinh ngày 29/01/2002, tại: huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi;

Nơi cư trú: Thôn E, xã R, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Không có; Con ông Trần Đức T, (đã chết) và bà Nguyễn Thị Lan A, sinh năm 1978; vợ, con: Chưa có.

Tiền án: Không có; tiền sự: 01 tiền sự, Quyết định số 67/QĐ-XPVPHC ngày 24/11/2021, hình thức phạt tiền, số tiền 2.500.000 đồng. Chưa thi hành.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 29/3/2022 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Võ Thị H – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Ngãi (Quyết định số 133/QĐ-TGPL, ngày 05/4/2022). Có mặt.

*Bị hại:*

1. Anh Nguyễn Đăng L, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Thôn S, xã D, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

2. Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 2002.

Địa chỉ: Thôn K, xã R, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Phạm Viết T1, sinh năm 2002. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn K, xã R, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Ông Trần Ngọc C, sinh năm 1981. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn G, xã Y, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Bà Lê Thị Hồng L1, sinh năm 1981. Vắng mặt.

4. Ông Đỗ Văn H2, sinh năm 1982. Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn V, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

*Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Nhật K1, sinh năm 2005. Vắng mặt.

2. Anh Trần Hồ Duy T2, sinh năm 2005. Vắng mặt.

3. Anh Lê Hùng S1, sinh năm 1999. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn P, xã R, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Anh Nguyễn Đình B1, sinh năm 2005;

Địa chỉ: Thôn K, xã R, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Trần Minh N, không có nghề nghiệp vì cần tiền tiêu xài, lợi dụng mối quan hệ bạn bè quen biết nên N đã mượn điện thoại của họ đem đi cầm cố và bán lấy tiền, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 27/12/2021, bị cáo N cùng Nguyễn Văn H1 và Phạm Việt T1 câu cá tại hồ sen thuộc thôn E, xã R, huyện Q; ở đây, N hỏi mượn điện thoại của H1, H1 đưa điện thoại di động hiệu Oppo Reno4 Black, màu xám cho N. Đến khoảng 17 giờ 45 phút, cùng ngày cả nhóm nghỉ câu cá, đi về; vì không có xe nên N nhờ T1 chở; khi ra về, N quên trả lại điện thoại cho H1; N nói với T1 về nói với H1 mượn điện thoại tối về trả lại. Khi về đến nơi T1 lấy điện thoại gọi cho N rồi đưa máy cho H1 nói chuyện với N; H1 hỏi N “mày cầm điện thoại của tao đi đâu” thì N trả lời “cho tao mượn, giờ tao cầm đi Quảng Ngãi có việc, tối về trả”. Sau khi cầm điện thoại của H1 về nhà, do cần tiền tiêu xài nên N đem điện thoại đến tiệm điện thoại “Ngọc C” ở thôn G, xã Y, huyện M cầm cố lấy tiền. Do không có xe nên N nhờ Lê Hùng S1 chở đi, trên đường đi N nói với S1 đi cầm điện thoại, S1 nghe vậy nên hỏi N điện thoại của ai thì N trả lời là điện thoại của mình. Khi đến tiệm điện thoại “Ngọc C”, S1 đứng chờ bên ngoài, còn N vào tiệm nói với ông Trần Ngọc C (chủ tiệm) rằng điện thoại di động của N, thỏa thuận cầm cố với số tiền 3.000.000 đồng và hạn 10 ngày sau quay lại chuộc, hai bên chỉ thỏa thuận miệng không lập giấy tờ gì, sau khi nhận tiền, S1 chở N về. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, H1 liên lạc với N yêu cầu trả điện thoại thì N nói 19 giờ đến nhà N lấy. Sau đó, H1 đến nhà N thì N nói dối là đưa điện thoại cho bạn là Nguyễn Nhật K1 sử dụng chưa đem về nên H1 ở nhà N chờ K1, đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày không thấy K1 về nên H1 đi về nhà. Đến sáng ngày hôm sau, N đến nhà gặp H1 nói việc N đã cầm điện thoại của H1 lấy tiền, H1 hỏi lý do cầm điện thoại thì N nói có công việc cần nên cầm đỡ vài hôm ra chuộc trả lại cho H1. Nghe vậy, H1 nói N tranh thủ chuộc lấy điện thoại cho H1 thì N hứa sẽ kiếm tiền chuộc điện thoại trả, do tin tưởng N nên H1 không hỏi gì nữa. Khoảng 05 ngày sau, do hết tiền tiêu xài N quay lại tiệm điện thoại “Ngọc C” và thỏa thuận bán điện thoại trên và ông C trả thêm cho N số tiền 300.000 đồng.

Ngày 14/3/2022, Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Q ban hành Kết luận định giá số 03/KL-HĐĐGTTTHS, Kết luận giá trị điện thoại Oppo Reno4 Black, màu xám trên là 4.155.000 đồng (bốn triệu một trăm năm mươi lăm nghìn đồng) (BL 157)

Vụ thứ hai: Khoảng 19 giờ ngày 04/01/2022, H1 và T1 chơi game ở nhà H1 tại thôn K, xã R, huyện Q, lúc này có Nguyễn Đình Đông và Nguyễn Đình B1 ở cùng thôn đến chơi. N nhắn tin qua Facebook của H1, nói H1 lên thị trấn Chợ Chùa cho N mượn tiền để trả tiền cà phê. Sau đó Đông điều khiển xe chở H1 đi, trước khi đi H1 đã đổi máy điện thoại của mình cho T1, vì máy điện thoại di động hiệu Samsung A21, màu xanh dương của T1 có kết nối internet, mục đích để liên lạc biết địa điểm của N khi đến thị trấn Chợ Chùa. Còn T1 và B1 đi đến xã Đức Hiệp, huyện M chơi đánh bida. Khi đến thị trấn Chợ Chùa, H1 gặp N, Nguyễn Nhật K1, Trần Hồ Duy T2; H1 đưa tiền cho N mượn trả tiền cà phê, sau đó, do sợ H1 hỏi đòi điện thoại đã cầm trước đó nên N nói với H1 xuống huyện M để chuộc điện thoại (mục đích N muốn kéo dài thời gian kiếm tiền chuộc điện thoại trả cho H1, thực tế N không có tiền chuộc), H1 đồng ý. Do không có điện thoại, N nói H1 cho mượn

điện thoại gọi chủ tiệm điện thoại “Ngọc C” nên H1 đưa cho N mượn điện thoại di động hiệu Samsung A21, màu xanh dương nhưng không liên lạc được nên N nói với H1 xuống gặp trực tiếp chủ tiệm để chuộc lại điện thoại. H1 tin tưởng lời N nói và đồng ý đi cùng, sau đó Đông, H1, N và K1 đi xe mô tô đến tiệm điện thoại “Ngọc C” ở thôn G, xã Y, huyện M. Khi đến ngã tư An Ba, xã R, cả nhóm dừng lại nói chuyện, hút thuốc thì N tiếp tục mượn điện thoại của H1 và giả vờ nhắn tin cho bạn mượn tiền để H1 tin tưởng. Sau đó, cả nhóm tiếp tục di chuyển đến xã Y, huyện M, lúc này N đang giữ điện thoại vì cần tiền tiêu xài N đã nảy sinh việc mang điện thoại di động này khi đến tiệm điện thoại “Ngọc C” để cầm cố lấy tiền. Khi cả nhóm đến ngã tư Thi Phô, huyện M gần tiệm điện thoại “Ngọc C” thì N nói H1 và Đông đứng chờ N, mục đích để H1 và Đông không phát hiện N nói dối việc chuộc điện thoại của H1 và không biết việc N sẽ cầm điện thoại di động mà H1 đã đưa cho N mượn. Sau đó, K1 điều khiển xe chở N đến tiệm điện thoại “Ngọc C”, N nói Kha đứng ngoài đường chờ. Sau khi vào tiệm, N không chuộc điện thoại của H1 như đã nói trước đó mà N đã cầm cố điện thoại di động hiệu Samsung A21, màu xanh dương lấy số tiền 1.500.000 đồng và hẹn 10 ngày sau quay lại chuộc, hai bên không lập giấy tờ gì, sau đó, N và Kha quay lại chỗ H1 và Đông đứng chờ, N nói dối với H1 không đủ tiền chuộc lại điện thoại và nói H1 về ngã tư An Ba, R nói chuyện. Trên đường đi về N nói K1 việc mình cầm điện thoại của H1 đưa mượn trước đó với số tiền 1.500.000 đồng nhưng K1 không nói hay hỏi gì. Khi cả nhóm đến ngã tư An Ba, xã R, N nói H1 đợi một lát N đến nhà bạn mượn tiền chuộc điện thoại nhưng thực tế N không đi mượn tiền mà N nói K1 chở đi lòng vòng để H1 không hỏi về điện thoại của H1 đưa cho N mượn và sau đó K1 điều khiển xe chở N đi về không quay lại chỗ H1, Đông; H1 thấy N và K1 điều khiển xe đi nên nói Đông điều khiển xe chạy theo nhưng không kịp; sau đó, H1 cùng Đông đi đến chỗ T1 và B1 đang đánh bi da ở xã Đức Hiệp, huyện M chơi. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày nhóm H1 đi về, khi đến cầu Hẹn ở thôn E, xã R cả nhóm dừng lại, H1 lấy máy điện thoại của mình đã đổi cho T1 trước đó nhắn tin qua facebook của Trần Hồ Duy T2 (do trước đó khi đến thị trấn Chợ Chùa gặp N thấy T2 đi cùng N nên nghĩ T2 khả năng biết N đứng ở đâu) nói “ở đâu về trả điện thoại cho tao” sau đó thấy N nhắn tin trả lời “sáng mai trả điện thoại cho H1” thì H1 nói N tranh thủ đem điện thoại trả lại cho mình, đây là điện thoại của T1, đem về trả cho cháu T1 học online; N nhắn tin trả lời “sáng mai trả lại” và không nhắn tin gì nữa nên nhóm H1 đi về. Khoảng 02 ngày sau, do hết tiền tiêu xài nên N quay lại tiệm điện thoại “Ngọc C” và bán điện thoại đã cầm trước đó, chủ tiệm trả thêm cho N số tiền 300.000 đồng. Do không thấy N trả điện thoại nên ngày 21/02/2022, H1 làm đơn trình báo công an xã R giải quyết.

Ngày 14/3/2022, Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Q ban hành Kết luận định giá số 03/KL-HĐĐGTTTHS, Kết luận giá trị điện thoại Samsung A21, màu xanh dương trên là 2.450.000 đồng (hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) (BL 157).

Vụ thứ ba: Vì cần tiền tiêu xài cá nhân nên N nảy sinh việc mượn điện thoại của bạn là Nguyễn Đăng L để cầm cố lấy tiền. Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 20/01/2022, N điều khiển xe mô tô đến nhà Nguyễn Đăng L chơi, một lúc sau N nói L cho mượn điện thoại để xuống Ngã năm mới, thành phố Quảng Ngãi liên lạc đón bạn gái và hứa với L đến khoảng 20 giờ sẽ trả lại điện thoại, nhưng thực tế N không đi đón bạn gái mà nói dối để L tin tưởng cho mượn điện thoại. Do chỗ bạn bè thân quen nên L đồng ý và đưa điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y20s, màu xanh đen cho N mượn, L nói sẽ đi cùng N đến địa điểm trên khi N liên lạc đón được bạn gái thì trả điện thoại để L đem về cho thuận tiện vì nhà N và L ở cách xa và ngược đường nhau. Khoảng 19 giờ 30 phút, L và N mỗi người điều khiển xe mô tô riêng đi đến địa điểm trên; khi đến đoạn đường thuộc xã N Điền, huyện B thì xe mô tô L sắp hết xăng nên L nói N dừng xe chờ L đổ xăng nhưng N không chờ mà vẫn tiếp tục điều khiển xe đi. Sau khi, L vào cây xăng “Hong Nga” thuộc xã Nghĩa Điền, B đổ xăng xong thì L đi đến Ngã năm mới, thành phố Quảng Ngãi để tìm N nhưng không gặp. L điều khiển xe đến nhà bạn ở xã Nghĩa Điền, huyện B mượn điện thoại gọi N nhưng không liên lạc được. L gọi điện thoại cho vợ là Phạm Thị Như Ý (sinh năm 2004) nói lại sự việc trên rồi L điều khiển xe đi về nhà. Sau đó, vợ L nhắn tin vào Facebook tên “Long Bíp” (do trước đó, vào khoảng 15 giờ chiều cùng ngày 20/01/2022, N dùng Facebook này nhắn tin nói chuyện với L) nói việc N mượn điện thoại của L thì N nhắn tin xin lỗi và hẹn trưa ngày mai đem điện thoại trả cho vợ chồng L. Sau khi về nhà L tiếp tục dùng điện thoại của vợ nhắn tin cho N qua nick Facebook trên hỏi về điện thoại của L thì N nhắn tin xin lỗi và hứa hẹn trưa ngày mai trả điện thoại cho L, sau đó thì không liên lạc được. Còn N sau khi lấy được điện thoại của L thì N không đi đón bạn gái như đã nói với L trước đó mà điều khiển xe đến hiệu cầm đồ “Tân Hiệp” ở tổ dân phố 1, thị trấn V, huyện B do bà Lê Thị Hồng L1, sinh năm 1981 làm chủ. Khi cầm cố N nói điện thoại di động của mình và cầm cố lấy số tiền 1.800.000 đồng. Do hết tiền tiêu xài nên đến khoảng 14 giờ ngày 23/01/2022, N quay trở lại hiệu cầm đồ “Tân Hiệp” bán điện thoại di động trên, chủ hiệu cầm đồ trả thêm cho N số tiền 250.000 đồng. Riêng L không thấy N trả điện thoại nên ngày 24/01/2022, L làm đơn trình báo công an xã D giải quyết.

Kết luận định giá số 02/KL-HĐĐGTTHS. ngày 07/2/2022, Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Q, Kết luận giá trị điện thoại Vivo Y20s, màu xanh đen trên là 2.355.000 đồng (Hai triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn đồng) (BL 58).

Cáo trạng số 14/CT-VKS-NH, ngày 22/7/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q đã truy tố, thừa nhận hành vi lừa đảo và lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản vì vụ lợi.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa trình bày luận tội; giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Cáo trạng đã công bố; đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt cáo từ 06 đến 09 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và từ 09 đến 12 tháng tù tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo;

Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật. Buộc bị cáo phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính 5.100.000 đồng sung ngân sách nhà nước.

Bị cáo không tranh luận về tội danh và khung hình phạt đối với luận tội của Đại diện Viện kiểm sát, Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, hoàn cảnh gia đình rất khó khăn và đề nghị miễn tiền án phí cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với vật chứng đã thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Bị cáo Trần Minh N là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bản thân bị cáo nhận thức được việc xâm phạm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do lười biếng lao động muốn có tiền để tiêu xài cá nhân nên ngày 27/12/2021, sau khi mượn điện thoại OPPO RENO 4 BLACK màu xám của Nguyễn Văn H1 để sử dụng. Sau khi mượn được điện thoại bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt nên đem cầm cố và sau đó bán lấy số tiền tổng cộng là 3.300.000đ. Điện thoại di động này có giá trị theo định giá là 4.155.000 đồng.

Ngày 04/01/2022 mượn điện thoại của anh Nguyễn Văn H1 để sử dụng sau đó nảy sinh ý định chiếm đoạt nên đã đem cầm cố và bán với số tiền 1.800.000 đồng. Điện thoại di động này được hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Q kết luận giá trị là 2.450.000 đồng. Hành vi của N là hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản nhưng giá trị tài sản dưới 4.000.000 đồng và N không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 BLHS nên hành vi của N không cấu thành tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Tuy nhiên, cần phải cộng tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt trong trường hợp này để xác định giá trị tài sản chiếm đoạt là 6.650.000 đồng (4.155.000 đồng cộng với 2.450.000 đồng). Nhằm bảo đảm việc xem xét khách quan, toàn diện tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, là cơ sở để đánh giá, xem xét quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Ngày 20/01/2022, với mục đích chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Đăng L, bị cáo N giả vờ mượn điện thoại của anh L để gọi điện thoại đón bạn gái nhưng sau khi được anh L cho mượn điện thoại hiệu VIVO Y20S thì bị cáo đem đi cầm cố và bán lấy số tiền 2.050.000đ tiêu xài cá nhân. Điện thoại này có giá trị theo định giá là 2.355.000 đồng.

Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ, nên đủ cơ sở truy cứu trách nhiệm hình sự về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của anh Nguyễn Đăng L với số tiền 2.355.000 đồng và “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” của Nguyễn Văn H1 với số tiền là 6.650.000 đồng.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo; tự nguyện bồi thường thiệt hại, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51, không có tình tiết tăng nặng; bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, nên buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định với mức thấp của khung hình phạt được áp dụng đối với từng tội cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo thành công dân tốt cho xã hội và phù hợp quy định Điều 38, Điều 55 Bộ luật hình sự.

Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có điều kiện kinh tế nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Trong quá trình điều tra cơ quan công an đã xác định:

- Đối với vợ chồng bà Lê Thị Hồng L1 chủ hiệu cầm đồ Tân Hiệp và ông Trần Ngọc C chủ tiệm điện thoại Ngọc C: Quá trình cầm cố và mua các điện thoại di động của Trần Minh N thì N nói các điện thoại di động là của mình. Vợ chồng bà L1 và ông C không biết các điện thoại này do N chiếm đoạt mà có nên hành vi cầm cố, mua điện thoại di động vợ chồng bà L1 và ông C không vi phạm pháp luật nên không xem xét xử lý vợ chồng bà L1 và ông C là đúng quy định.

- Đối với Lê Hùng S1 là người chở Trần Minh N đến tiệm điện thoại Ngọc C vào tối ngày 27/12/2021, khi đi N nói đi cầm cố điện thoại của N nên S1 không biết việc N cầm cố điện thoại do chiếm đoạt mà có, N không bàn bạc gì với S1 từ trước nên hành vi của S1 không vi phạm pháp luật, do đó, không xem xét xử lý S1 là đúng quy định.

- Đối với Nguyễn Nhật K1 là người đi cùng Trần Minh N vào tối ngày 04/01/2022 nhưng K1 không biết việc N đi cầm cố tài sản do N chiếm đoạt mà có, N không bàn bạc gì với K1 từ trước và không được hưởng lợi gì từ số tiền N cầm cố tài sản nên hành vi của K1 không vi phạm pháp luật, do đó, không xem xét xử lý K1 là đúng quy định.

- Đối với 02 điện thoại di động mà N cầm cố và bán cho tiệm điện thoại Ngọc C sau khi mua 02 điện thoại này thì ông C đã bán cho người khác không rõ lai lịch nên không thu giữ được.

- Đối với hành vi mượn điện thoại của Nguyễn Văn H1 để sử dụng sau đó N nảy sinh ý định chiếm đoạt nên đã đem cầm cố và bán với số tiền 1.800.000 đồng tiêu xài cá nhân. Điện thoại di động này được hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Q kết luận giá trị là 2.450.000 đồng. Hành vi của N là hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản nhưng giá trị tài sản dưới 4.000.000 đồng và N không thuộc trường hợp quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 175 BLHS nên hành vi của N không cấu thành tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

[5] Về dân sự: Không có ai có yêu cầu gì nên không xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Cơ quan CSĐT đã trả lại cho chủ sở hữu theo quy định nên không xét.

Buộc bị cáo phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính 5.100.000 đồng (Năm triệu một trăm nghìn đồng) sung ngân sách nhà nước.

[7] Về án phí: Bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa về tội danh, về mức hình phạt đối với bị cáo về phần dân sự và xử lý vật chứng là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.



Đề nghị của người bào chữa cho bị cáo về giảm nhẹ hình phạt và đề nghị miễn tiền án phí cho bị cáo có cơ sở nên chấp nhận.

[9] Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm a khoản 1 Điều 175; Điều 38; Điều 55; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Minh N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Minh N 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 09 (chín) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Trần Minh N phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giam (ngày 29/3/2022).

Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Buộc bị cáo phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính 5.100.000 đồng (Năm triệu một trăm nghìn đồng) sung ngân sách nhà nước.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Nhà tạm giữ CA huyện Q;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Q;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Q;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- UBND xã R, huyện Q;
- Bị cáo; người có liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án; lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Chí Ngãi**